

Bản án số: **07/2020/HNGĐ-ST**

Ngày **18/5/2020**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Văn Chiến**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

2. Bà **Phan Thị Trúc Phương**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 292/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ánh N** - sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: số 73, ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: tổ 03, khu phố 7, phường U , thị xã T , tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn C** - sinh năm 1990 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 73, ấp Đ , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Trần Thị Ánh N trình bày:**

Chị Trần Thị Ánh N và anh Nguyễn Tấn C được gia đình mai mối, sau đó tìm hiểu nhau khoảng 6 tháng đi đến tổ chức cưới năm 2012, vợ chồng đăng ký kết hôn trễ hạn tại UBND xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang vào ngày 24/4/2014.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng tháng 11 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cự cãi, anh C

không có trách nhiệm với vợ con. chị N có khuyen nhiều lần nhưng anh C không thay đổi, thấy chung sống với nhau không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân với nhau từ tháng 4/2019 cho đến nay.

- Về con chung: vợ chồng chung sống có 01 con tên Nguyễn Thị Diễm T, sinh ngày 22/5/2013. Hiện chị N đang nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại phiên tòa chị Ngọc yêu cầu:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N yêu cầu được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tòa án có triệu tập anh Nguyễn Tấn C để hòa giải hôn nhân và gia đình, nhưng anh Nguyễn Tấn C vắng mặt, nên Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy báo phiên tòa hợp lệ, anh Nguyễn Tấn C vắng mặt tại phiên, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xử vắng mặt anh Nguyễn Tấn C.

Xét thấy anh C chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị N tại Tòa án. Tuy nhiên, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ và hợp lệ các thủ tục theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự như: Thông báo thụ lý; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh Cường vẫn không đến Tòa án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C chung sống với nhau được UBND xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/4/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến tháng 11/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N cho rằng do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, anh C không có trách nhiệm với vợ con, từ đó làm cho tình vợ chồng thường dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Tại phiên tòa, chị N thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị N và anh C hai bên đã ly thân từ tháng 4/2019 cho đến

nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N được ly hôn với anh C .

[3] Về quan hệ con chung: Chị N và anh C chung sống có 01 người con tên Nguyễn Thị Diễm T , sinh ngày 22/5/2013, hiện đang sống với chị N . Xét thấy, hiện nay cháu Diễm T đang được chị N nuôi dưỡng, vẫn đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu. Vì vậy, trong phần nghị án Hội đồng xét xử thống nhất giao chị N tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Diễm T , chị N có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét. Trường hợp anh C cho rằng có tài sản chung và có tranh chấp, sẽ khởi kiện thành một vụ kiện khác và sẽ được xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

### **Xử:**

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Ánh N được ly hôn với anh Nguyễn Tấn C .

**2.** Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị Ánh N tiếp tục nuôi người con tên Nguyễn Thị Diễm T , sinh ngày 22/5/2013. Chị Trần Thị Ánh N không yêu cầu anh Nguyễn Tấn C cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Ánh N cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Tấn C tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

**3.** Về quan hệ tài sản, nữ trang, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4.** Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Ánh N phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003656 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

**5.** Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh Nguyễn Tân C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã T ;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Chiến**